



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN NAM DƯỢC

HÀ NỘI – THÁNG 04/2019

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Nam Dược

Tên tiếng Anh: NAM DUOC JOINT STOCK COMPANY

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0101452595

Vốn điều lệ: 56.800.000.000 đồng

Địa chỉ: Lô A7/D21, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số điện thoại: 024.62691602 Số fax: 024.62698623

Website: www.namduoc.vn

Mã cổ phiếu : NDC

2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Nam Dược được thành lập vào ngày 01/01/2004, được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội chính thức cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 04 tháng 03 năm 2004, có vốn điều lệ 3.500.000.000 đồng (Ba tỷ năm trăm triệu đồng), với 23 cổ đông sáng lập. Trụ sở chính tại số 02, ngách 26/31, ngõ 26 Nguyễn Hồng, phường Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội. Lĩnh vực kinh doanh thời điểm đó của công ty là kinh doanh, đại lý mua bán, ký gửi dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm; trang thiết bị y tế; Tư vấn, đào tạo và dịch vụ chuyển giao công nghệ dược, mỹ phẩm.

Tháng 9 năm 2006, Công ty hoàn thành việc xây dựng nhà máy sản xuất dược phẩm theo tiêu chuẩn GMP - WHO, GSP, GLP và là một trong những doanh nghiệp đầu tiên ở phía Bắc có nhà máy sản xuất dược phẩm đạt tiêu chuẩn này.

Sau khi hoàn thành nhà máy đạt tiêu chuẩn GMP- WHO, Nam Dược đã tập trung sản xuất đa dạng các mặt hàng tân dược và đông dược để tiến vào thị trường bảo hiểm bệnh viện. Tuy nhiên, sau khi các sản phẩm của Nam Dược bắt đầu xâm nhập được vào hầu hết các hệ thống bảo hiểm trên toàn quốc thì gặp nhiều khó khăn do khủng hoảng tài chính mà đỉnh cao khủng hoảng là cuối năm 2008.

Tháng 06/2009: Đại hội cổ đông với việc quyết định chiến lược chỉ tập trung chuyên sâu chiến lược phát triển thuốc Nam, từ bỏ sản xuất các sản phẩm tân dược.

Tháng 11/2009: Bắt đầu xây dựng lại hệ thống mới hoàn toàn, bắt đầu từ miền Bắc và hoàn thiện dần hệ thống phân phối và cùng thời điểm này thực hiện tăng vốn điều lệ lên 56.800.000.000 đồng (Năm mươi sáu tỷ tám trăm triệu đồng).

Từ 11/2009 đến nay, Nam Dược chứng kiến sự phát triển mạnh mẽ và vượt bậc trên trong sản xuất và ngoài thị trường. Một số sản phẩm của công ty đã trở thành những sản phẩm dẫn đầu thị trường. Thương hiệu Nam Dược từng bước phát triển vững mạnh và uy tín trong lòng khách hàng.

Năm 2011, Nam Dược được Thủ tướng Chính phủ trao tặng giải Vàng chất lượng quốc gia và trở thành doanh nghiệp dược phẩm đầu tiên đạt được giải thưởng này.

Năm 2012, Nam Dược hợp tác với tổ chức Biotrade của Thụy Sĩ triển khai các vùng trồng dược liệu theo tiêu chuẩn GACP - WHO tại Hải Hậu – Nam Định. Đây cũng là một bước tiến khẳng định định hướng chất lượng của Nam Dược



Tháng 05/2013: Nam Dược hợp tác cùng với tổ chức tư vấn chiến lược và quản trị tổ chức OCD trong việc xây dựng lại định hướng chiến lược và hệ thống quản trị nhân sự cho giai đoạn phát triển 2014-2018.

Tháng 12/2013, Nam Dược thay đổi đăng ký kinh doanh lần thứ 9 và chuyển trụ sở chính về địa chỉ: Lô A7/D21, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tháng 3/2014, Nam Dược vinh dự được Bộ trưởng Bộ Y tế trao tặng Bằng khen vì những thành tích trong công tác kế thừa và phát triển Y Dược cổ truyền Việt nam. Điều này khẳng định sứ mệnh vì sự nghiệp phát triển thuốc Nam của người Việt mà công ty đang theo đuổi.

Tháng 09/2014, Nam Dược vinh dự được Chủ tịch nước trao tặng Huân chương Lao động hạng 3.

Tháng 02/2015, Nam Dược là một trong những doanh nghiệp được trao tặng Giải Vàng chất lượng quốc gia lần thứ hai cho những cam kết về chất lượng trong sản phẩm và dịch vụ mà doanh nghiệp cung cấp cho người tiêu dùng.

Tháng 09/2015, Nam Dược vinh dự nhận giải thưởng chất lượng quốc tế Châu Á Thái Bình Dương. Điều này khẳng định chiến lược phát triển đúng đắn và bền vững của công ty khi lấy tiêu chí “ Cam kết chất lượng” là một trong những giá trị cốt lõi mà doanh nghiệp đang thực hiện.

Tháng 11/2015, Nam Dược được Bộ Lao động Thương Binh và Xã Hội phối hợp với Liên đoàn lao động Việt Nam trao tặng danh hiệu “ Doanh nghiệp vì người Lao động.

Năm 2016:

Nam Dược ký kết “mở rộng hợp tác theo hướng toàn diện” với Viện Dinh Dưỡng quốc gia trong việc nghiên cứu và phát triển các sản phẩm dinh dưỡng đặc biệt là sản phẩm cho người già và trẻ em.

Nam Dược ký kết hợp tác với tổ chức Helvetas tại Việt Nam (Biotrade) trong chiến dịch tuyên thông nâng cao nhận thức trong cộng đồng về Dược liệu sạch.

Sản phẩm Siro ho cảm Ích Nhi được bình chọn là sản phẩm số 1 trong dòng Siro ho cảm đồng được trẻ em.

Năm 2017:

Nam Dược tiếp tục hợp tác với tổ chức Biotrade của Thụy Sĩ triển khai và được Bộ y tế thẩm định thành công vùng trồng Dược liệu Quất theo tiêu chuẩn GACP - WHO tại Vụ Bản – Nam Định. Đây cũng là một bước đi bền vững trong việc xây dựng, phát triển thương hiệu nhãn hàng Siro Ho Cảm Ích Nhi nói riêng và khẳng định định hướng đầu tư chú trọng cho chất lượng của các sản phẩm của Nam Dược nói chung. Đây là định hướng đúng đắn theo chiến lược phát triển Dược liệu mà Thủ tướng Chính phủ đã phát động.

Nam Dược được chọn là đơn vị điển hình trong mô hình phát triển vùng Dược liệu đạt tiêu chuẩn GACP-WHO, được Đài Truyền hình Việt Nam ghi hình, đưa tin trên các kênh thời sự quốc gia như VTV1, VTC1, VTC14 cùng các trang báo mạng như dantri.com.vn, vietnamnet.vn...

Là một trong số ít doanh nghiệp Dược áp dụng hệ thống điều hành, quản trị sản xuất bằng công nghệ cao theo tiêu chuẩn quốc tế - Hệ thống 3S ERP. Hệ thống 3S ERP sẽ quản lý chất lượng vận hành của nhà máy sản xuất Nam Dược với 3 khâu: Kiểm soát chất lượng nguyên liệu đầu vào, chất lượng trong quá trình sản xuất và chất lượng khi đã thành phẩm đưa ra thị trường. Điểm nhấn ưu việt của hệ thống quản lý 3S ERP là ở tính cập nhật, cảnh báo tức thì khi có các nghiệp vụ phát sinh trong doanh nghiệp sẽ giúp người quản lý hoàn toàn có thể truy xuất ngay được chất lượng sản phẩm và quá trình sản xuất mắc lỗi từ đâu và có những quyết định nhanh chóng, kịp thời, tránh tổn kém cho doanh nghiệp cũng như đảm bảo tốt nhất được chất lượng dược phẩm khi tới tay người tiêu dùng.



Nam Dược tiếp tục nhận giải thưởng Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao năm 2017, do Hội Doanh nghiệp Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao tổ chức. Cuộc điều tra bình chọn (thường niên) HVNCLC năm nay được tiến hành trong 3,5 tháng, với 17.300 phiếu đạt chuẩn, 380 cuộc phỏng vấn với 13.000 hộ gia đình, hàng nghìn đánh giá của người tiêu dùng từ các kênh trực tuyến và 3.000 điểm bán tại 12 tỉnh, thành phố. Vượt qua nhiều tiêu chí “chuẩn hội nhập”- được xây dựng dựa trên các bộ tiêu chuẩn cực kỳ nghiêm ngặt như GMP, ISO, HACCP,..., cùng với các tiêu chuẩn về sự ủng hộ của người tiêu dùng, trách nhiệm xã hội và sức cạnh tranh của doanh nghiệp, Nam Dược đã vinh dự trở thành doanh nghiệp đầu tiên trong số doanh nghiệp xuất sắc đạt danh hiệu Hàng Việt Nam chất lượng cao năm 2017.

Nam Dược ký kết hợp tác chiến lược với Viện Di Truyền Nông Nghiệp – Bộ Nông Nghiệp. Nhằm chuẩn hóa cây dược liệu ngay từ khâu chọn giống, nâng cao năng lực nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao thành tựu KHCN về phát triển cây dược liệu để tạo ra các sản phẩm có chất lượng điều trị, mới đây, công ty cổ phần Nam Dược đã ký kết hợp tác chiến lược với Viện Di Truyền Nông Nghiệp trong dự án “Nghiên cứu ứng dụng khoa học và phát triển công nghệ trong sản xuất dược liệu giai đoạn 2018 – 2028”

Nhãn hàng Thuốc thảo dược Thông Xoang Tán Nam Dược vinh dự nhận giải thưởng “Sản phẩm số 1 dược tin và dùng trong dòng thảo dược trị viêm mũi xoang năm 2017”. Đây là giải thưởng do người tiêu dùng bình chọn thông qua chương trình bình chọn “Tin và Dùng” do Thời báo Kinh tế Việt Nam – Bộ Công Thương tổ chức.

Nhãn hàng Siro Ho Cảm Ích Nhi vinh dự nhận giải thưởng “Sản phẩm – Dịch vụ uy tín – an toàn – chất lượng năm 2017”. Đây là giải thưởng nhằm tôn vinh các sản phẩm chất lượng cao, an toàn và hiệu quả phục vụ cho chăm sóc, bảo vệ, tăng cường sức khỏe cộng đồng, đặc biệt là trẻ nhỏ.

Năm 2018:

Với định hướng chuẩn hóa nguồn Dược liệu đầu vào của các sản phẩm theo tiêu chuẩn Thực hành tốt trồng trọt và thu hái Dược liệu sạch theo tiêu chuẩn của Tổ chức Y tế Thế giới (GACP-WHO), năm 2018, Nam Dược tiếp tục hợp tác với tổ chức Biotrade của Thụy Sĩ triển khai và được Bộ y tế thẩm định thành công vùng trồng Dược liệu Cát Cánh tại Bắc Hà – Lào Cai đạt tiêu chuẩn GACP - WHO. Đây cũng là một bước đi bền vững trong việc xây dựng, phát triển thương hiệu nhãn hàng Siro Ho Cảm Ích Nhi nói riêng và khẳng định định hướng đầu tư chú trọng cho chất lượng của các sản phẩm của Nam Dược nói chung. Đây là định hướng đúng đắn theo chiến lược phát triển Dược liệu mà Thủ tướng Chính phủ đã phát động.

Bên cạnh đó, để đáp ứng nhu cầu nguyên liệu ngày càng tăng cho sản xuất, năm 2018, Nam Dược đã tiếp tục xây dựng thành công thêm vùng trồng Húng Chanh (Tần dày lá) mới tại Huyện Tân Hồng – tỉnh Đồng Tháp theo định hướng GACP (Thực hành tốt trồng trọt và thu hái dược liệu sạch) của Tổ chức Y tế Thế Giới (WHO). Và đặc biệt, sau 02 năm nghiên cứu khảo nghiệm, cho tới nay có thể nói Nam Dược đã chuẩn hóa thành công cây dược liệu Phòng Phong tại thị trấn Phó Bảng, huyện Đông Văn, Hà Giang, Việt Nam. Với sự thành công vượt bậc này, Nam Dược đang dần tiệm cận tới mục tiêu thay thế dược liệu nhập khẩu bằng dược liệu sản xuất trong nước, góp phần nâng cao tính chủ động và chất lượng đầu vào cho các sản phẩm có nguồn gốc từ thảo dược. Phòng Phong – Một vị thuốc chính có trong thành phần thuốc thảo dược Thông Xoang Tán Nam Dược

Nam Dược được chọn là đơn vị điển hình trong mô hình phát triển vùng Dược liệu đạt tiêu chuẩn GACP-WHO, được Đài Truyền hình Việt Nam ghi hình, đưa tin trên các kênh thời sự quốc gia như VTV1, VTC1, VTC14 cùng các trang báo mạng như dantri.com.vn, vietnamnet.vn, VnExpress.vn...

Nam Dược tiếp tục nhận giải thưởng Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao năm 2018, do Hội Doanh nghiệp Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao tổ chức. Cuộc điều tra bình chọn (thường niên) HVNCLC năm nay được tiến hành trong 3,5 tháng, với 17.300 phiếu đạt chuẩn, 380 cuộc phỏng vấn với 13.000 hộ gia đình, hàng nghìn đánh giá của người tiêu dùng từ các kênh trực tuyến và 3.000 điểm bán tại 12 tỉnh, thành phố. Vượt qua

nhiều tiêu chí “chuẩn hội nhập”- được xây dựng dựa trên các bộ tiêu chuẩn cực kỳ nghiêm ngặt như GMP, ISO, HACCP,..., cùng với các tiêu chuẩn về sự ủng hộ của người tiêu dùng, trách nhiệm xã hội và sức cạnh tranh của doanh nghiệp, Nam Dược đã vinh dự trở thành doanh nghiệp đầu tiên trong số doanh nghiệp xuất sắc đạt danh hiệu Hàng Việt Nam chất lượng cao năm 2018.

Nam Dược ký kết hợp tác chiến lược với Viện Di Truyền Nông Nghiệp – Bộ Nông Nghiệp. Nhằm chuẩn hóa cây dược liệu ngay từ khâu chọn giống, nâng cao năng lực nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao thành tựu KHCN về phát triển cây dược liệu để tạo ra các sản phẩm có chất lượng điều trị, mới đây, công ty cổ phần Nam Dược đã ký kết hợp tác chiến lược với Viện Di Truyền Nông Nghiệp trong dự án “Nghiên cứu ứng dụng khoa học và phát triển công nghệ trong sản xuất dược liệu giai đoạn 2018 – 2028”

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh:

Trong năm 2018, hoạt động chính của Công ty và các công ty con theo ngành nghề kinh doanh đã đăng ký tại các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, bao gồm:

Công ty Cổ phần Nam Dược:	Kinh doanh thuốc đông dược và thực phẩm chức năng do Công ty TNHH Nam Dược sản xuất.
Công ty TNHH Nam Dược:	Sản xuất và kinh doanh thuốc tân dược, đông dược và thực phẩm chức năng do chính Công ty sản xuất.
Công ty TNHH MTV Nam Dược Phương Nam	Kinh doanh thuốc tân dược, đông dược và thực phẩm chức năng do Công ty TNHH Nam Dược sản xuất.
Công ty TNHH MTV Nam Dược Miền Trung	Kinh doanh thuốc tân dược, đông dược và thực phẩm chức năng do Công ty TNHH Nam Dược sản xuất.

- Địa bàn kinh doanh: Trên toàn bộ lãnh thổ Việt Nam.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này, Cơ Cấu bộ máy quản lý như sau:

Hội đồng quản trị

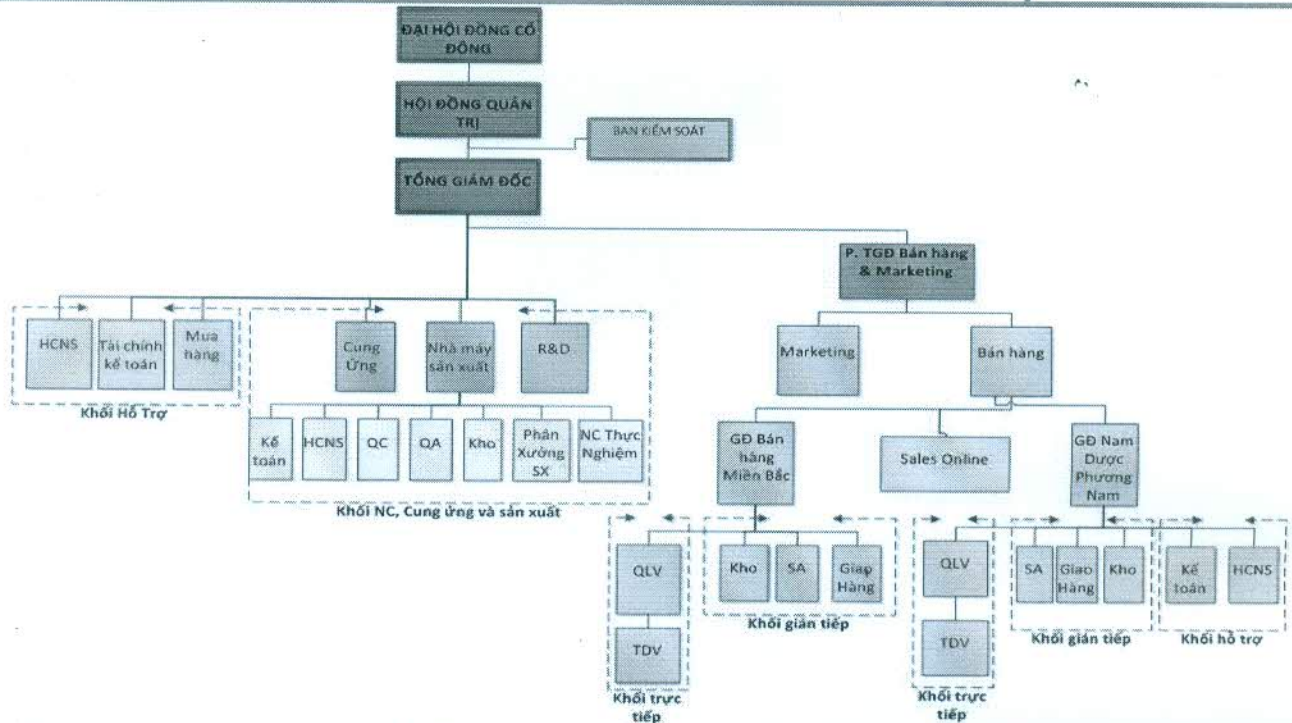
Ông Lê Xuân Hạnh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Giang	Phó Chủ tịch
Bà Dương Thị Lan	Thành viên
Ông Hoàng Minh Châu	Thành viên
Ông Lê Văn Sơn	Thành viên

Ban kiểm soát

Bà Vũ Thị Nga	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Phạm Thành Đạt	Thành Viên
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Hoàng Minh Châu	Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc



- Các công ty con, công ty liên kết: Tại ngày 31/12/2018, các công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động bao gồm:

Tên công ty con	Địa chỉ trụ sở	Tỷ lệ quyền biểu quyết / sở hữu	Vốn điều lệ (tỷ VND)
Công ty TNHH MTV Nam Dược	Lô M13(C4-9), Khu công nghiệp Hòa Xá, Thành phố Nam Định	100%	30
Công ty TNHH MTV Nam Dược Phương Nam	U12, Đường Bạch Mã, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh	100%	1
Công ty TNHH MTV Nam Dược Miền Trung	76, Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng	100%	5

- Đơn vị trực thuộc: Công ty cổ phần Nam Dược – Chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ: Số 3, ngách 34/23, ngõ 34 đường Nguyễn Hồng, Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

5. Định hướng phát triển bền vững:

5.1. Đầu tư cho chất lượng sản phẩm:

Nam Dược chú trọng phát triển dược liệu sạch và chuẩn hóa với hơn 80% dược liệu sử dụng là thuốc Nam cùng với 45 vùng trồng dược liệu trên cả nước như Dây thìa canh, Quất, Bạch chỉ tại Nam Định, Đương quy, Đan sâm, Tục đoạn, Cát cánh tại Lào Cai, Cà gai leo tại Hà Nội, Mạch môn, Khôi tía tại Phú Thọ, Húng chanh, Diệp hạ châu, Xạ can tại Phú Yên... Nam Dược coi chất lượng sản phẩm là yếu tố quan trọng nhất để có được khách hàng lâu dài.

5.2. Chiến lược nhân sự:

Nam Dược tổ chức tuyển dụng, đánh giá, đào tạo và huấn luyện thường xuyên để đội ngũ cán bộ nhân viên đảm đương được công việc theo vị trí được giao, cũng như xây dựng chính sách đãi ngộ hợp lý, xứng đáng, công bằng theo 3Ps, chú trọng sự hợp tác minh bạch trong tác nghiệp.

5.3. Tạo dựng bản sắc văn hóa riêng:

Văn hóa “Vì Khách hàng” bao gồm khách hàng tiêu dùng, khách hàng trung gian và khách hàng nội bộ được chú trọng đầu tiên, khách hàng hài lòng thì Nam Dược mới tồn tại và phát triển bền vững, chính sách chăm sóc khách hàng ngày càng được triển khai đa dạng, hợp lý.

5.4. Quy trình quản trị khoa học:

Nam Dược chuẩn hóa các quy trình quản trị trong doanh nghiệp, từ giao việc, đánh giá theo BSC, KPI cho toàn thể nhân viên, đến quản trị bán hàng theo DMS... là những bước tiến trong quản trị để hệ thống hoạt động hiệu quả, thông suốt, đúng kế hoạch và tiến độ.

6. Các rủi ro:

- Ngành dược phẩm vẫn là một trong những ngành “nóng” của thị trường với sự tăng trưởng khoảng 17%/năm. Sự cạnh tranh khốc liệt và sự thanh lọc của thị trường đang diễn ra rất mạnh. Niềm tin của người tiêu dùng bị lung lay, suy giảm nghiêm trọng do tình trạng vàng thau lẫn lộn và rối loạn trên thị trường (bao gồm cả rối loạn thông tin).
- Tình hình cung cấp nguyên liệu sản xuất thay đổi, đặc biệt là chất lượng và giá thành các dược liệu nhập từ Trung Quốc không ổn định và kém chất lượng...
- Khách hàng trung gian và người tiêu dùng trực tiếp ngày càng cao liên quan nhiều đến chất lượng hiệu quả điều trị của sản phẩm, uy tín của nhà cung cấp, giá cả hàng hóa và sự tư vấn của chuyên môn và người thân...

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Đơn vị tính : Triệu đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2018	2018	2017	% 2018 so với 2017
Doanh thu thuần	300.000	413.939	331.276	125,0%
Lợi nhuận sau thuế	30.000	46.341	38.268	121,1%

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2018 của CTCP Nam Dược

Doanh thu thuần năm 2018 đạt 413.939 triệu đồng, tăng 25,0 % so với năm 2017 và hoàn thành 138,0% kế hoạch đề ra.

Lợi nhuận sau thuế đạt 46.341 triệu đồng, tăng 21,1 % so với năm 2017 và hoàn thành 154,5 % kế hoạch đề ra.

Ngoài chỉ tiêu doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra, năm 2018 Công ty còn đạt được những thành tích sau:

Hoạt động Marketing, xây dựng thương hiệu:

- Năm 2018, các hoạt động marketing của Nam Dược chú trọng vào các nhãn hàng chiến lược như Siro ho cảm Ích nhi, Bảo xuân, Thông xoang tán, Diabetna... với điểm nhấn là “Dược liệu sạch, chuẩn hóa đạt tiêu chuẩn Thực hành trồng trọt và thu hái Dược liệu sạch của Tổ chức Y tế thế giới GACP-WHO” do khách hàng ngày càng e ngại về dược liệu bản trên thị trường, đây cũng là thế mạnh khác biệt của Nam Dược so với nhiều công ty sử dụng dược liệu thuốc bắc nhập khẩu.

- Bên cạnh đó, song song với việc đẩy mạnh thương hiệu của nhãn hàng chiến lược, thì thương hiệu Nam Dược cũng được chú trọng xây dựng theo định hướng bền vững. Uy tín của thương hiệu được khẳng định, xây dựng từ việc nâng cao hiệu quả điều trị của sản phẩm. Từ việc đầu tư áp dụng khoa học công nghệ vào sản xuất với hệ thống quản trị chất lượng toàn diện theo tiêu chuẩn quốc tế 3S ERP, tới việc chuẩn hóa nguồn Gen Dược liệu thông qua ký kết hợp tác với Viện Di Truyền Nông nghiệp, chuẩn hóa vùng trồng Dược liệu đạt tiêu chuẩn GACP-WHO

- Một số sản phẩm của Nam Dược có sự tăng trưởng nhanh trong năm 2018 như Bảo Xuân, bộ sản phẩm Ích Nhi, Thuốc thảo dược Thông Xoang Tán Nam Dược. Năm 2018, Sản phẩm Siro ho cảm Ích Nhi được bình chọn là “Sản phẩm – Dịch vụ uy tín – an toàn – chất lượng năm 2018” và Thuốc thảo dược Thông Xoang Tán Nam Dược được người tiêu dùng bình chọn là “Sản phẩm số 1 được tin và dùng trong dòng thảo dược trị viêm mũi xoang năm 2018”.

Hoạt động bán hàng:

- Năm 2018 doanh số bán hàng mảng tự doanh của Nam Dược tăng trưởng được 29% so với năm 2017. Lần đầu tiên mảng tự doanh của Nam Dược vượt qua mốc 300 tỷ. Đây là mức tăng trưởng nhanh so với bình quân tăng trưởng ngành hơn 10%.

- Về hệ thống bán hàng: Hoàn thành việc xây dựng công ty Nam Dược Miền Trung đặt tại Đà Nẵng phục vụ cho việc phân phối 11 tỉnh khu vực Miền Trung (Từ Quảng Bình, Quảng Trị, Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Gia Lai, KonTum).

- Về khách hàng: Công ty đã bán hàng cho 24.800 đối tác là các công ty dược, nhà thuốc, quầy thuốc trong năm 2018, so với 2017 số lượng điểm bán tăng trưởng 36%. Nam Dược tổ chức các chương trình tích lũy doanh số du lịch nước ngoài cho khách hàng trong đó có 2 chương trình du lịch Hàn Quốc, một chương trình đi Nha Trang-Đà Lạt, chương trình giúp thúc đẩy hoạt động bán hàng và tăng cường sự gắn kết. Ngoài ra công ty còn tổ chức 4 chương trình thăm qua nhà máy và vùng trồng dược liệu đạt tiêu chuẩn GACP-WHO cho các khách hàng khu vực Quảng Ninh, Phú Thọ, Hà Nam, Thanh Hóa. Khách hàng đánh giá cao việc tổ chức bài bản hoạt động sản xuất và cam kết chất lượng của Nam Dược. Khách hàng thăm quan thực sự yên tâm về chất lượng hơn khi bán hàng Nam Dược.



- Về nhân sự bán hàng: Để đảm bảo việc tăng cường hiện diện hàng hóa và gắn kết, chăm sóc khách hàng hệ thống kinh doanh của Nam Dược đã tuyển dụng thêm 15 người tăng số lượng nhân sự bán hàng toàn quốc lên 140 nhân viên đảm bảo phủ kín thị trường hơn. Các tỉnh xa như Lai Châu, Hà Giang đều đã có đại diện Nam Dược.

- Về chính sách bán hàng: Việc thực hiện chính sách bán bình ổn giá và Audit kiểm soát thị trường phát huy tác dụng tốt, được đại đa số khách hàng ủng hộ. Nam Dược cũng được đánh giá là một trong những đơn vị có mặt bằng giá bán ổn định trên thị trường, nhà thuốc bán hàng của Nam Dược ít bị lo do cạnh tranh giá bán không lành mạnh giữa các nhà thuốc với nhau. Đó là tiền đề để công ty gia tăng độ phủ trên toàn quốc.

Hoạt động nghiên cứu và phát triển:

Trong năm 2018, Công ty chú trọng hoạt động nghiên cứu phát triển, tập trung vào việc nghiên cứu sản phẩm mới và nâng cấp sản phẩm cũ theo định hướng bộ sản phẩm, trên cơ sở nghiên cứu sâu về thị trường, nghiên cứu bào chế để tung ra thị trường như:

- Cải tiến hoàn thiện bộ sản phẩm Siro Ho cảm Ích Nhi để có được mùi vị thơm ngon hơn, giúp trẻ dễ sử dụng hơn, và tăng tác dụng giải cảm, giảm ho.

- Cải tiến nâng cấp chất lượng sản phẩm thông xoang tán Nam Dược từ việc nâng cấp tiêu chuẩn chất lượng của dược liệu đầu vào thông qua việc phát triển vùng dược liệu tại Nam Dược.

- Cải tiến mùi vị và chất lượng của sản phẩm Dung dịch giải rượu Nam Dược.

- Về góc độ phát triển sản phẩm mới năm 2018, phòng Nghiên cứu – Phát triển cùng các bộ phận đã phối hợp nghiên cứu theo nhu cầu của thị trường để đưa ra các sản phẩm mới như: Kẹo dẻo Calci D Ích Nhi, Bột sùi Livecool, Dầu gội và Dầu xả an toàn Bách Diệp, Nước súc miệng An Thảo, Nin felic, Hoạt huyết Nam Dược...

- Ngoài sản phẩm sản xuất theo dây chuyền tại công ty, Nam Dược cũng tiến hành hợp tác nghiên cứu phát triển các sản phẩm gia công của các đơn vị để tận dụng thế mạnh của các đơn vị gia công và cũng là cơ hội để khảo nghiệm cho thị trường và đưa ra các quyết định đầu tư về công nghệ.

- Năm 2018, với mục tiêu mở rộng hệ thống phân phối, thành lập thêm Công ty thành viên Nam Dược Miền Trung và dự kiến tiếp tục đầu tư mở rộng thêm các đơn vị thành viên mới, với nhu cầu từ thị trường, Phòng nghiên cứu tập trung đẩy mạnh công tác nghiên cứu sản phẩm mới để tăng số lượng mặt hàng, tăng doanh thu cho hệ thống.

- Để đánh giá được và tăng cường kiểm soát chất lượng năm 2018 hoạt động nghiên cứu cũng tiến hành nghiên cứu lâm sàng và đánh giá độ an toàn của các sản phẩm Diabetna và Nhuận tràng Khang

Hoạt động cung ứng và sản xuất:

Năm 2018, Nam Dược đã thẩm định thành công 02 vùng trồng dược liệu đạt tiêu chuẩn GACP- WHO như vùng trồng Quất tại Vụ Bản Nam Định, Vùng trồng Dây Thìa Canh tại Hải Hậu – Nam Định nhằm đảm bảo chất lượng dược liệu cho những sản phẩm chiến lược của công ty như Siro Ho cảm Ích Nhi và Diabetna... Hoạt động triển khai thử nghiệm các vùng trồng dược liệu như Cát cánh, Đậu tương, Mạch môn... để tiếp tục chương trình chuẩn hóa nguồn dược liệu sạch cho năm 2018 và các năm tiếp theo.

Song song với việc chuẩn hóa các vùng dược liệu để đảm bảo nguồn nguyên liệu đầu vào, Nam Dược tiến hành hợp tác về dược liệu với các đơn vị chuyên môn như Viện dược liệu, Viện bảo vệ thực vật, Cục Y



học cổ truyền, tổ chức Halvitas của Thụy sỹ, tổ chức Traffic.. với mục đích nâng cao nhận thức của người tiêu dùng với các sản phẩm từ dược liệu của Việt Nam và tiến tới mục tiêu xuất khẩu dược liệu thô và các sản phẩm là thuốc và thực phẩm chăm sóc sức khỏe có nguồn gốc thuốc nam ra thị trường thế giới.

Ngoài ra, Nam Dược cũng hợp tác với gần 70 nhà cung cấp trong và ngoài nước nhằm tiến hành kiểm tra đánh giá và lựa chọn những nhà cung cấp đạt chuẩn theo quy trình chọn lựa rất nghiêm ngặt. Các nguồn nguyên liệu, dược liệu, bao bì được tổ chức đánh giá theo từng lô cho từng sản phẩm. Nam Dược kết hợp với các nhà cung cấp đánh giá tiêu chuẩn đầu vào tại thực địa, xem xét các quá trình cải tiến để nâng cao chất lượng hàng hóa ngay từ phía nhà cung cấp.

Hoạt động sản xuất vẫn duy trì các tiêu chuẩn quản lý chất lượng từ bộ tích hợp tiêu chuẩn IMS. Năm 2018, Nam Dược triển khai áp dụng hệ thống điều hành, quản trị sản trị sản xuất bằng công nghệ cao theo tiêu chuẩn quốc tế - Hệ thống 3S ERP. Hệ thống 3S ERP sẽ quản lý chất lượng vận hành của nhà máy sản xuất Nam Dược với 3 khâu: Kiểm soát chất lượng nguyên liệu đầu vào, chất lượng trong quá trình sản xuất và chất lượng khi đã thành phẩm đưa ra thị trường.

Hoạt động Tài chính:

Hoạt động tài chính được đánh giá khá lành mạnh, ổn định, cập nhật kịp thời tình hình kinh doanh của công ty đảm bảo các quyết định quản trị kịp thời của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

Hoạt động nhân sự:

Hoạt động Tuyển dụng: Được chuẩn hóa và cho kết quả nhân sự đầu vào chất lượng hơn, minh bạch và công bằng hơn;

Hoạt động đào tạo được tổ chức nhiều và phù hợp với từng đối tượng. Năm 2018, đã tổ chức được các khóa đào tạo quan trọng: Đào tạo kỹ năng giao tiếp nâng cao cho đội ngũ cán bộ quản lý để tạo năng lực cạnh tranh, Đào tạo định hướng đội ngũ và cách chăm sóc khách hàng, tạo dựng mối quan hệ khách hàng; đào tạo các khóa học về kiến thức sản phẩm, một số kỹ năng chuyên môn khác.

Hoạt động đánh giá – sàng lọc nhân sự: Đã tổ chức đánh giá KPI toàn bộ nhân viên hàng tháng, 06 tháng. Áp dụng chính sách lương 3P cho toàn Công ty. Đánh giá khung năng lực cho toàn đội ngũ nhân sự nhằm nâng cao năng lực đội ngũ đáp ứng yêu cầu công việc. Qua đó có chính sách khuyến khích nhân viên xuất sắc và phạt hoặc cho thôi việc những nhân sự kém chất lượng.

Thực hiện hoạt động truyền thông nội bộ: Các hoạt động phúc lợi như nghỉ mát, teambuilding đã góp phần gắn kết tinh thần của cán bộ nhân viên công ty góp phần khẳng định bản sắc văn hóa doanh nghiệp.

Danh sách Ban điều hành:

Họ và tên	Chức vụ	Lý lịch	Số cổ phần nắm giữ
Hoàng Minh Châu	Tổng giám đốc	Thạc sĩ dược Sinh năm 1974	189500
Lê Văn Sơn	Phó Tổng giám đốc	Dược sĩ	16000



		Sinh năm 1983	
Trần Thị Anh Đức	Kế toán trưởng	Cử nhân Sinh năm 1980	không
Phạm Văn Đông	Giám đốc công ty TNHH Nam Dược	Dược sĩ Sinh năm 1981	24000
Nguyễn Văn Thành	Giám đốc công ty TNHH Nam Dược Phương Nam	Cử nhân Sinh năm 1984	không
Khuất Văn Mạnh	Trưởng phòng Nghiên cứu – Phát triển	Dược sĩ Sinh năm 1980	10900
Phạm Vũ Phong	Trưởng phòng Cung ứng	Dược sỹ Sinh năm 1983	15000
Đỗ Thị Tuyên	Trưởng phòng Hành Chính – Nhân sự	Cử nhân Sinh năm 1974	4500
Phạm Quang Hòa	Giám đốc bán hàng Miền Bắc	Cử nhân Sinh năm 1984	không
Lưu Thị Gấm	Trưởng phòng Marketing	Thạc sỹ Dược Sinh năm 1983	Không
Tạ Huy Hoàng	Giám đốc công ty TNHH Nam Dược Miền Trung	Cử nhân Sinh năm 1983	Không

Những thay đổi trong ban điều hành: Bổ nhiệm Giám đốc Công ty TNHH Nam Dược Miền Trung đối với Ông Tạ Huy Hoàng

Số lượng cán bộ, nhân viên: Tổng số Cán bộ nhân viên toàn hệ thống:

Trình độ	Số lượng	Tỷ lệ %
Tổng số	470	100%
Trên đại học	07	1.48%
Đại học	120	25.5%
Cao đẳng	65	13.8%
Trung cấp	169	35.9%
Sơ cấp + khác	109	25.1%

2. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Năm 2018, Công ty thực hiện đầu tư dự án xây dựng trụ sở văn phòng công ty tại Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh, đã xin ý kiến của ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 với tổng mức đầu tư lên tới 90 tỷ đồng, Văn phòng trụ sở làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh với mức đầu tư lên tới 30 tỷ đồng; Văn phòng trụ sở làm việc tại Đà Nẵng với tổng mức đầu tư lên tới 20 tỷ đồng. Hiện đã thực hiện khánh thành và đưa vào sử dụng các công trình văn phòng tại Hà Nội, Đà Nẵng và thành phố Hồ Chí Minh.

3. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2017	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	529.948	223.972	116,1%
Doanh thu thuần	413.939	331.276	125,0%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	49.425	40.410	122,3%
Lợi nhuận khác	-177	17	
Lợi nhuận trước thuế	49.248	40.427	121,8%
Lợi nhuận sau thuế	46.341	38.268	121,1%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2017	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	2,18	3,07	
+ Hệ số thanh toán nhanh: [(TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn]	1,19	1,80	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,25	0,27	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,34	0,37	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	3,64	2,86	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,59	1,49	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,11	0,11	

+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,24	0,23	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,18	0,17	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,12	0,12	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cổ phần:

Tổng số cổ phần : 5.680.000 (Năm triệu sáu trăm tám mươi ngàn) cổ phần

Cơ cấu cổ đông:

Cơ cấu cổ đông	Tổng số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ %
Cổ đông lớn (Người nắm $\geq 5\%$)	1.739.450	30,63
Cổ đông tổ chức	283.100	4,98%
Cổ đông nhỏ (Người nắm $< 5\%$)	3.657.450	64,39%
Tổng	5.680.000	100 %

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không thay đổi

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không giao dịch

Các chứng khoán khác: Không có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc
1. Tổng quan về hoạt động kinh doanh 2018

Năm 2018, Nam Dược vẫn tiếp tục theo đuổi định hướng phát triển bền vững, nghiên cứu thị trường và công nghệ để đầu tư nghiên cứu sản phẩm mới cho tương lai nhằm nâng cao chất lượng hiệu quả điều trị của sản phẩm. Các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận năm 2018 sau khi đã được Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC thực hiện kiểm toán và chốt số liệu như sau:

Đơn vị tính : Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2017	% tăng giảm 2018/2017
Tổng tài sản	259.948	223.972	
Doanh thu thuần	413.939	331.276	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	49.425	40.410	
Lợi nhuận khác	-177	17	
Lợi nhuận trước thuế	49.248	40.427	
Lợi nhuận sau thuế	46.341	38.268	
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,11	0,11	

Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (%)	24%	23%	
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (%)	18%	17%	^
Tỷ suất Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần(%)	12%	12%	

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2018 của CTCP Nam Dược

Về doanh thu: Doanh thu thuần năm 2018 đạt 413.939 triệu đồng, tăng 25,0% so với năm 2017 và đạt 138,0% so với kế hoạch đề ra.

Về Lợi nhuận: Lợi nhuận sau thuế năm 2018 đạt 46.341 triệu đồng, tăng 21,1% so với năm 2017 và đạt 154,5% so với kế hoạch đề ra.

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần năm 2018 đạt 11%; Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu năm 2018 đạt 24%, tăng 2% so với năm 2017.

Nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước: Năm 2018, Nam Dược thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về thuế với Nhà nước và nộp ngân sách 19.311 triệu đồng.

So với chỉ tiêu kinh doanh theo biên bản họp đại hội đồng cổ đông công ty cổ phần Nam Dược năm 2018, các chỉ tiêu kinh doanh thực hiện trong năm 2018 như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	% thực hiện so với KH
Vốn điều lệ	56.800	56.800	100%
Doanh thu thuần	300.000	413.939	138,0%
Lợi nhuận sau thuế	30.000	46.341	154,5%
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	10%	11%	

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2018 của CTCP Nam Dược

Cơ cấu doanh thu tự doanh và bao tiêu như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2018	
	Giá trị	Tỷ trọng
Tự phân phối	298.614	72,1%
Bán bao tiêu	115.324	27,9%
Tổng	413.939	100%

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2018 của CTCP Nam Dược

2. Tình hình tài chính



Các chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2017	So sánh 2018/2017
Hệ số thanh toán ngắn hạn	2,18	3,07	0,71
Hệ số thanh toán nhanh	1,19	1,80	0,66
Tổng nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	0,34	0,37	0,91

Hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2018 là 2,18 giảm 0,71 lần so với năm 2017 và tổng nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu năm 2018 là 0,34 giảm 0,91 lần so với năm 2017 thể hiện năng lực về tài chính của Công ty đáp ứng tốt nhu cầu thanh toán các khoản nợ ngắn hạn.

Những tiến bộ công ty đã đạt được (Như đã tổng kết và phân tích phần 1)

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm 2018, Nam Dược về cơ bản không có biến động về cơ cấu tổ chức so với năm 2017;

Về chính sách quản lý, Nam Dược chú trọng phương pháp quản trị mục tiêu (BSC) trong toàn hệ thống và hệ thống đánh giá nhân sự theo kết quả công việc (KPI); Nam Dược luôn đặt ra những tầm nhìn thách thức và tìm các mô hình tiên tiến của thế giới với sự hỗ trợ của các chuyên gia để định hình rõ hướng đi phù hợp.

1. Kế hoạch phát triển trong tương lai

1. Tiếp tục định hướng chiến lược trở thành đại diện của thương hiệu thuốc Nam của người Việt với những thương hiệu sản phẩm dẫn đầu tại Việt Nam và xuất khẩu ra thế giới.
2. Nhân sự, công nghệ, nghiên cứu phát triển là những lĩnh vực sẽ được chú trọng đầu tư trong tương lai gần; Đối với một doanh nghiệp Dược thì công nghệ và Nghiên cứu phát triển phải là yếu tố có tính then chốt và quyết định tương lai dài hạn của doanh nghiệp; Bên cạnh tích lũy kinh nghiệm bào chế theo tri thức Y học cổ truyền thì Nam Dược sẽ phải ứng dụng những công nghệ bào chế hàng đầu, nhằm nâng cao giá trị của các sản phẩm, phục vụ cộng đồng tốt hơn;
3. Sau giai đoạn ổn định và phục hồi bước sang giai đoạn mới, Nam Dược sẽ chuẩn hóa lại cơ cấu tổ chức và ưu tiên phát triển nguồn lực nhân sự, phục vụ cho chiến lược dẫn đầu;
4. Cân bằng hợp lý các nhóm lợi ích (Cổ đông - Đối tác bao tiêu - Cán bộ công nhân viên). Lấy mục tiêu ổn định lợi nhuận cho doanh nghiệp và cổ tức cho cổ đông làm mục tiêu ưu tiên trong năm 2018 và những năm tiếp theo nhưng cần ưu tiên đầu tư để tận dụng cơ hội bứt phá và tạo lập vị thế của thương hiệu.

IV. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)

1. Về chênh lệch lợi nhuận 10% trong báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018: Năm 2018 Công ty vẫn tiếp tục gia tăng số mặt hàng bán và số lượng khách hàng mua sản phẩm nên doanh thu thuần năm 2018 tăng 25,0% so với năm 2017 tương đương 82,6 tỷ đồng. Tỷ trọng giá vốn hàng bán/doanh thu thuần năm 2018 giảm 2,4% so với năm 2017 trong khi tỷ trọng chi phí bán hàng và chi phí quản lý/doanh thu thuần năm 2018 tăng với năm 2017 là 2,5%. Với những lý do trên dẫn đến lợi nhuận sau thuế năm 2018 tăng so với năm 2017 là 8,07 tỷ đồng (trên 10% so với năm 2017).

2. Ý kiến ngoại trừ về việc không xác định riêng được giá trị của quyền sử dụng đất và giá trị của nhà cửa, tài sản khác gắn liền với đất mua trong năm theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 006200 ngày 04/06/2018 nên Công ty đang theo dõi toàn bộ giá trị nhận chuyển nhượng này trên khoản mục "Tài sản cố định vô hình" với tổng số tiền là 25.000.000.000 VND. Bằng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện tại thời điểm 31/12/2018, Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC không thể xác định được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.



Đến thời điểm này, chúng tôi đã tiến hành ký kết hợp đồng định giá để xác định riêng được giá trị của quyền sử dụng đất và giá trị của nhà cửa, tài sản khác gắn liền với đất theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 006200 ngày 04/06/2018.

V. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:* Thống nhất với ý kiến của Ban Tổng giám đốc về các mặt hoạt động của công ty.
2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty:* Ban điều hành đã rất nỗ lực trong hoạt động điều hành để thu được kết quả sản xuất kinh doanh trong năm 2018.
3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:* Xây dựng chiến lược cho thời gian tới của Nam Dược và cùng Ban điều hành triển khai thực hiện chiến lược đã đề ra.

VI. Quản trị công ty :

1. *Hội đồng quản trị*

- Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Họ và tên	Chức danh HĐQT	Số cổ phần sở hữu	Chức danh trong điều hành tại công ty
1	Lã Xuân Hạnh	Chủ tịch	139200	Thành viên không điều hành
2	Nguyễn Văn Giang	Phó chủ tịch	322200	Thành viên độc lập
3	Hoàng Minh Châu	Thành viên	189500	Tổng giám đốc
4	Lê Văn Sản	Thành viên	16000	Phó Tổng Giám đốc
5	Dương Thị Lan	Thành viên	382000	Thành viên độc lập

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: không có

Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

Số lượng và nội dung các buổi họp:

STT	Thời gian	Nội dung
1	Tháng 1	Thông qua dự kiến kế hoạch sản xuất, kinh doanh 2018
2	Tháng 3	Thông qua các Nội dung ĐHCĐ 2018
3	Tháng 5	Triển khai các nghị quyết của ĐHCĐ
4	Tháng 7	Thông qua kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2018;



6	Tháng 09	Nghiên cứu định hướng sản phẩm giai đoạn tới
7	Tháng 12	Thành lập Công ty TNHH Nam Dược Miền Trung

2. Kết quả các buổi họp:

STT	Số ký hiệu	Ngày tháng	Nội dung
1	01A/2018/NQ-HĐQT	06/02/2018	Thông qua kế hoạch kinh doanh 2018
2	01B/2018/NQ-HĐQT	06/02/2018	Thông qua kế hoạch sản xuất 2018
3	02A/2018/NQ-HĐQT	22/03/2018	Thông qua báo cáo kiểm toán 2017
4	02B/2018/NQ-HĐQT	22/03/2018	Thông qua các nội dung tại Đại hội cổ đông 2018
5	03A/2018/NQ-HĐQT	22/05/2018	Triển khai nghị quyết ĐHĐCĐ 2018: Chi trả cổ tức 2017
6	03B/2018/NQ-HĐQT	22/05/2018	Triển khai nghị quyết ĐHĐCĐ 2018: Chi trả thù lao HĐQT, BKS 2017
7	03C/2018/NQ-HĐQT	22/05/2018	Triển khai nghị quyết ĐHĐCĐ 2018: Trích quỹ phúc lợi từ lợi nhuận 2017
8	03E/2018/NQ-HĐQT	22/05/2018	Miễn nhiệm chức danh Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Nam Dược Phương Nam đối với bà Nguyễn Thị Thu Hiền
9	03F/2018/NQ-HĐQT	22/05/2018	Bổ nhiệm chức danh Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Nam Dược Phương Nam đối với bà Nguyễn Thị Xuân Nương
10	04A/2018/NQ-HĐQT	25/05/2018	Thông qua việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ số U12, Bạch mã, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh để làm văn phòng Công ty TNHH MTV Nam Dược Phương Nam
11	05A/2018/NQ-HĐQT	23/07/2018	Đồng ý phương án xử lý bề mặt và cải tạo nhà xưởng theo đề trình của Giám đốc nhà máy
12	06A/2018/NQ-HĐQT	27/09/2018	Đồng ý báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 9 tháng đầu năm 2018
13	07A/2018/NQ-HĐQT	05/12/2018	Thành lập công ty TNHH Nam Dược Miền Trung
14	07B/2018/NQ-HĐQT	05/12/2018	Bổ nhiệm Ông Tạ Huy Hoàng là giám đốc Công ty TNHH Nam Dược Miền Trung
15	07C/2018/NQ-HĐQT	05/12/2018	Lựa chọn công ty TNHH Kiểm toán AASC làm đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2018 của công ty.
16	07C/2018/NQ-HĐQT	05/12/2018	Phê duyệt trang bị tài sản cố định cho công ty TNHH Nam Dược Miền Trung

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:

STT	Họ và tên	Chức danh HĐQT	Số cổ phần sở hữu	Hoạt động
1	Lã Xuân Hạnh	Chủ tịch	139200	Hỗ trợ cho công tác nghiên cứu phát triển, Sản xuất
2	Nguyễn Văn Giang	Phó chủ tịch	322200	Hỗ trợ công tác Tài chính; kinh doanh
3	Dương Thị Lan	Thành viên	382000	Hỗ trợ công tác kinh doanh

3. Ban Kiểm soát

Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức danh BKS	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ %
1	Vũ Thị Nga	Trưởng ban	21.500	0,38
2	Phạm Thành Đạt	Thành viên	40.690	0,72
3	Nguyễn Thị Quỳnh Hương	Thành viên	16.200	0,49

Hoạt động của Ban kiểm soát:

STT	Thời gian	Nội dung và kết quả
1	Tháng 7	Kiểm soát các hoạt động 6 tháng đầu năm; báo cáo kết quả giám sát hoạt động 6 tháng đầu năm
2	Tháng 12	Kiểm soát hoạt động năm 2018; báo cáo hoạt động năm 2018

4. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: Năm 2018 toàn bộ thành viên hội đồng quản trị và ban kiểm soát nhận thù lao theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2017 = 5% lợi nhuận sau thuế của năm 2017.

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Thực hiện đúng quy định của pháp luật về quản trị công ty.

VII. Báo cáo tài chính

1. Báo cáo kiểm toán độc lập

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Do không xác định riêng được giá trị của quyền sử dụng đất và giá trị của nhà cửa, tài sản khác gắn liền với đất mua trong năm theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 006200 ngày 04/06/2018 nên Công ty đang theo dõi toàn bộ giá trị nhận chuyển nhượng này trên khoản mục "Tài sản cố định vô hình" với tổng số tiền là 25.000.000.000 VND. Bằng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi không thể xác định được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nam Dược tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
100 A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		109.452.045.964	121.184.147.995
110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	41.229.201.202	25.189.481.739
111 1. Tiền		22.996.993.951	15.657.398.405



112	2. Các khoản tương đương tiền		18.232.207.251	9.532.083.334
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	5	2.000.000.000	10.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		2.000.000.000	10.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		14.046.738.594	34.095.409.856
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	10.335.402.743	14.257.725.843
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	3.423.332.100	4.452.611.621
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	15.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	288.003.751	385.072.392
140	IV. Hàng tồn kho	9	49.449.564.423	50.283.811.301
141	1. Hàng tồn kho		49.449.564.423	50.283.811.301
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.726.541.745	1.615.445.099
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	2.602.580.281	279.177.435
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		69.281.884	932.604.305
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	54.679.580	403.663.359
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		150.496.808.464	102.787.933.353
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		158.000.000	153.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	158.000.000	153.000.000
220	II. Tài sản cố định		131.700.058.060	98.048.081.851
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	22.680.208.470	27.364.436.813
222	- Nguyên giá		109.529.652.136	108.583.330.425
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(86.849.443.666)	(81.218.893.612)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	109.019.849.590	70.683.645.038
228	- Nguyên giá		110.188.542.716	71.619.053.998
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.168.693.126)	(935.408.960)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		14.715.895.344	1.380.355.250
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	14.715.895.344	1.380.355.250
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	5	255.000.000	255.000.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		255.000.000	255.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		3.667.855.060	2.951.496.252
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	3.219.654.924	2.561.895.605
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	31	448.200.136	389.600.647
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		<u>259.948.854.428</u>	<u>223.972.081.348</u>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

(tiếp theo)

Mã số NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
300 C. NỢ PHẢI TRẢ		65.316.779.405	60.494.457.515
310 I. Nợ ngắn hạn		50.316.779.405	39.494.457.515
311 1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	20.377.076.632	19.056.382.414
312 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		198.596.013	307.000
313 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	2.268.192.272	1.688.235.724
314 4. Phải trả người lao động		17.624.739.495	10.708.423.502
315 5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	1.458.678.116	196.018.338
319 6. Phải trả ngắn hạn khác	18	2.317.743.205	1.722.305.049
320 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	6.000.000.000	6.000.000.000
322 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		71.753.672	122.785.488
330 II. Nợ dài hạn		15.000.000.000	21.000.000.000
338 1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	14	15.000.000.000	21.000.000.000
400 D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		194.632.075.023	163.477.623.833
410 I. Vốn chủ sở hữu	19	194.632.075.023	163.477.623.833
411 1. Vốn góp của chủ sở hữu		56.800.000.000	56.800.000.000
411a - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		56.800.000.000	56.800.000.000
421 2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		137.832.075.023	106.677.623.833
421a - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		91.490.791.633	68.409.302.024
421b - LNST chưa phân phối kỳ này		46.341.283.390	38.268.321.809
440 TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		259.948.854.428	223.972.081.348

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2018

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
01 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	418.512.467.240	333.018.946.304
02 2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	4.573.325.192	1.742.178.339
10 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		413.939.142.048	331.276.767.965
11 4. Giá vốn hàng bán	23	181.471.751.435	153.079.010.222
20 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		232.467.390.613	178.197.757.743
21 6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	1.177.176.584	1.585.553.685
22 7. Chi phí tài chính	25	2.200.738.144	2.041.406.894
23 - Trong đó: Chi phí lãi vay		2.200.684.933	2.040.684.094
25 8. Chi phí bán hàng	26	141.870.949.022	107.591.125.018
26 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	40.146.922.829	29.740.766.671
30 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		49.425.957.202	40.410.012.845
31 11. Thu nhập khác	28	381.499.043	265.459.041
32 12. Chi phí khác	29	559.002.708	248.264.260
40 13. Lợi nhuận khác		(177.503.665)	17.194.781
50 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		49.248.453.537	40.427.207.626
51 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30	2.965.769.636	2.343.210.504
52 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	31	(58.599.489)	(184.324.687)
60 17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>46.341.283.390</u>	<u>38.268.321.809</u>
61 18. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		46.341.283.390	38.268.321.809
70 19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	8.159	6.737

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2018

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số CHỈ TIÊU	Năm 2018	Năm 2017
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
01 1. Lợi nhuận trước thuế	49.248.453.537	40.427.207.626
2. Điều chỉnh cho các khoản		
02 - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	6.205.163.420	6.119.433.444
04 - Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(176.896)	(150.711)
05 - Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	(1.476.830.313)	(1.425.402.974)
06 - Chi phí lãi vay	2.200.684.933	2.040.684.094
08 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	56.177.294.681	47.161.771.479
09 - Tăng/giảm các khoản phải thu	4.662.584.420	(3.329.264.116)
10 - Tăng/giảm hàng tồn kho	834.246.878	6.470.905.111
11 - Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	9.312.794.944	7.305.153.191
12 - Tăng/giảm chi phí trả trước	(2.981.162.165)	(452.319.010)
14 - Tiền lãi vay đã trả	(2.205.123.290)	(2.030.086.491)
15 - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(2.637.571.317)	(1.586.839.466)
17 - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(3.877.864.016)	(2.114.486.039)
20 Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	59.285.200.135	51.424.834.659
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
21 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	(50.738.973.050)	(67.208.566.779)
22 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	300.000.000	(160.000.000)
23 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(1.000.000.000)	(15.000.000.000)
24 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24.000.000.000	25.000.000.000
27 5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	1.320.595.482	1.813.749.138
30 Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(26.118.377.568)	(55.554.817.641)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
33 1. Tiền thu đi vay	-	52.000.000.000
34 2. Tiền trả nợ gốc vay	(6.000.000.000)	(35.000.000.000)
36 3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(11.127.280.000)	(11.246.680.000)
40 Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(17.127.280.000)	5.753.320.000
50 Lưu chuyển tiền thuần trong năm	16.039.542.567	1.623.337.018
	VND	VND
60 Tiền và tương đương tiền đầu năm	25.189.481.739	23.565.994.010
61 Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	176.896	150.711
70 Tiền và tương đương tiền cuối năm	41.229.201.202	25.189.481.739

15/10/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2018

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nam Dược là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103003831 đăng ký lần đầu ngày 04/03/2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp và đăng ký thay đổi lần thứ 09 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101452595 ngày 25/12/2013.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Lô A7/D21, Khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 56.800.000.000 VND (Năm mươi sáu tỷ, tám trăm triệu đồng), tương đương 5.680.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh thuốc tân dược, đông dược và thực phẩm chức năng.

Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Trong năm 2018, Công ty sản xuất và phân phối thêm một số sản phẩm mới, đồng thời tăng giá bán và sản lượng hàng bán ra của các sản phẩm cũ. Điều này dẫn tới lợi nhuận gộp từ bán hàng năm nay tăng 30,5% so với năm trước. Mặt khác, Công ty cũng tăng cường hoạt động quảng cáo sản phẩm dẫn tới Chi phí bán hàng tăng mạnh so với năm trước. Những vấn đề trên đã dẫn tới tổng lợi nhuận trước thuế năm 2018 tăng so với năm trước.

Cấu trúc tập đoàn

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2018 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty TNHH Nam Dược	Nam Định	100%	100%	Sản xuất, kinh doanh dược phẩm
- Công ty TNHH MTV Nam Dược Phương Nam	TP. Hồ Chí Minh	100%	100%	Kinh doanh dược phẩm
- Công ty TNHH Nam Dược Miền Trung	TP. Đà Nẵng	100%	100%	Kinh doanh dược phẩm

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại tiền gửi ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 228/2009/TT-BTC, cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: việc lập dự phòng căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 20 năm
- Máy móc, thiết bị	05 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 04 năm
- Tài sản cố định hữu hình khác	06 - 08 năm
- Phần mềm máy vi tính	03 năm
- Tài sản cố định vô hình khác	10 năm

Quyền sử dụng đất lâu dài được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và không trích khấu hao.

. Chi phí xây dựng cơ bản

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

. Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả, chi phí lãi vay và các khoản chi phí phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán hợp nhất của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo, và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Khoản lỗ tỷ giá hối đoái.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành (hoặc thuế suất dự tính thay đổi trong tương lai do việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại nằm trong thời gian thuế suất mới có hiệu lực), dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c) Ưu đãi thuế

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 437/2005/VP5 ngày 15 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định và quy định tại Khoản 3 Điều 34 và Khoản 5 Điều 35 Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2007, Công ty TNHH Nam Dược - Công ty con được hưởng ưu đãi thuế từ dự án đầu tư vào ngành nghề, lĩnh vực thuộc Danh mục ngành nghề, lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư:

- Thuế suất 10% áp dụng trong thời gian 15 năm, kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh;
- Miễn thuế 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo.

Theo đó, năm 2018 là năm thứ 09 Công ty TNHH Nam Dược áp dụng ưu đãi thuế giảm 50% số thuế phải nộp đối với phần thu nhập từ dự án đầu tư mang lại.

d) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Nam Dược và công ty con - Công ty TNHH MTV Nam Dược Phương Nam hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với toàn bộ thu nhập cho năm tài chính kết thúc ngày

. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế*phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

. Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là sản xuất, mua bán thuốc, dược phẩm và chi phát sinh trong lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	819.634.549	2.338.095.309
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	22.177.359.402	13.319.303.096
Các khoản tương đương tiền (*)	18.232.207.251	9.532.083.334
	<u>41.229.201.202</u>	<u>25.189.481.739</u>

(*) Tại ngày 31/12/2018, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 02 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 5,4 %/năm đến 5,5 %/năm.

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	2.000.000.000	2.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
	<u>2.000.000.000</u>	<u>2.000.000.000</u>	<u>10.000.000.000</u>	<u>10.000.000.000</u>

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng tại Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh TP. Nam Định; lãi suất 6,1% - 6,3%/ năm.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là khoản đầu tư vào Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nam Dược với giá gốc của khoản đầu tư tại ngày 01/01/2018 và 31/12/2018 là 255.000.000 VND. Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nam Dược đã tạm ngừng hoạt động và đóng mã số thuế từ ngày 21/09/2006 nhưng chưa hoàn tất các thủ tục giải thể.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

6 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Công ty TNHH Thiết bị Y tế 3M	1.573.200.177	-	1.815.454.658	-
- Các đối tượng khác	8.762.202.566	-	12.442.271.185	-
	<u>10.335.402.743</u>	<u>-</u>	<u>14.257.725.843</u>	<u>-</u>
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>374.807.130</u>	<u>-</u>

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 37)

7 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Xây lắp Công nghiệp Thực phẩm	-	-	3.954.000.000	-
- Công ty Cổ phần Phước Đại Nam	737.317.333	-	-	-
- Công ty Cổ phần Mecooltech	1.416.827.994	-	-	-
- Công ty Cổ phần Thương mại và Kỹ thuật Uy Việt	400.000.000	-	-	-
- Công ty TNHH Việt Hưng Khánh	221.000.000	-	-	-
- Các đối tượng khác	648.186.773	-	498.611.621	-
	<u>3.423.332.100</u>	<u>-</u>	<u>4.452.611.621</u>	<u>-</u>

8 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Tạm ứng	135.199.000	-	171.188.000	-
Ký cược, ký quỹ	10.000.000	-	10.000.000	-
Phải thu lãi tiền gửi	60.119.223	-	203.884.392	-
Phải thu khác	82.685.528	-	-	-
	288.003.751	-	385.072.392	-
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	158.000.000	-	153.000.000	-
	158.000.000	-	153.000.000	-

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	23.631.468.460	-	25.453.497.661	-
Công cụ, dụng cụ	112.874.014	-	74.716.364	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.226.998.322	-	2.289.869.803	-
Thành phẩm	20.932.178.579	-	21.835.899.453	-
Hàng hóa	2.546.045.048	-	629.828.020	-
	49.449.564.423	-	50.283.811.301	-

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Mua sắm	1.318.347.818	236.215.250
- Phần mềm quản lý hệ thống phân phối SALESUP	-	10.055.250
- Phần mềm kế toán	-	226.160.000
- Thang máy Tòa nhà Trụ sở Văn phòng Công ty tại Hà Nội (1)	728.181.818	-
- Phần mềm quản trị doanh nghiệp 3S ERP.iSCM (2)	590.166.000	-
Xây dựng cơ bản	13.397.547.526	1.144.140.000
- Công trình Trụ sở Văn phòng Công ty tại Hà Nội (1)	10.453.387.660	95.230.909
- Công trình Trụ sở Văn phòng Công ty tại Đà Nẵng (3)	1.895.250.775	-
- Công trình hệ thống xử lý nước thải (4)	1.048.909.091	1.048.909.091
	14.715.895.344	1.380.355.250

- (1) Công trình Trụ sở Văn phòng Công ty Cổ phần Nam Dược tại Lô A2 + A4, Ô D7, Trương Công Giai, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội. Tổng mức đầu tư dự toán là 19.461.691.000 VND. Hạng mục chính của công trình gồm phần xây dựng; hệ thống cấp điện nặng, điện nhẹ; hệ thống cấp thoát nước được giao cho nhà thầu là Công ty Cổ phần Xây lắp Công nghiệp Thực phẩm theo Hợp đồng số 2109/2017/HĐXL/ND ngày 21/09/2017. Công trình được khởi công từ ngày 25/09/2017; thời gian thi công dự kiến là 270 ngày kể từ ngày khởi công. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính này, công trình này chưa được nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng.
- (2) Mua sắm phần mềm quản trị doanh nghiệp 3S ERP.iSCM tại công ty con - Công ty TNHH Nam Dược theo Hợp đồng số 08012018/ITG-NAMDUOC ký ngày 08/01/2018 giữa Công ty TNHH Nam Dược và Công ty Cổ phần Giải pháp ERP-ITG. Theo đó, Công ty Cổ phần Giải pháp ERP-ITG sẽ cung cấp bản quyền phần mềm quản trị doanh nghiệp 3S ERP.iSCM cho Công ty TNHH Nam Dược với 12 phân hệ với tổng giá trị hợp đồng là 1.092.900.000 VND. Giá trị đã hoàn thành, nghiệm thu tại ngày 31/12/2018 là 590.166.000 VND, tương ứng với 04 phân hệ gồm: phân hệ bán hàng; phân hệ mua hàng; phân hệ kho và phân hệ quản lý chất lượng.
- (3) Công trình Trụ sở Văn phòng của Công ty tại Lô 1424, khu dân cư Tây Nam Hòa Cường, phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng với tổng mức đầu tư xây dựng dự toán là 4.375.324.520 VND. Các hạng mục chính của công trình gồm phần xây dựng; điện, nước thô và phần hoàn thiện được giao cho Công ty Cổ phần Phước Đại Nam theo Hợp đồng số 05/HDXD-PDN/2018 ngày 07/10/2018. Mục đích xây dựng công trình này là làm Trụ sở Văn phòng của Công ty TNHH MTV Nam Dược Miền Trung - công ty con mới thành lập trong năm 2018 của Công ty (Xem thêm Thuyết minh số 13). Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính này, công trình này đã hoàn thành, nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng.
- (4) Xây dựng lắp đặt hệ thống xử lý nước thải sản xuất 100 m3/ngày đêm theo Hợp đồng kinh tế số 2006/HĐKT/ND-VVCECI ngày 20/06/2016 giữa công ty con - Công ty TNHH Nam Dược và Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Xây dựng và Môi trường Việt Nam. Tổng giá trị hợp đồng là 1.282.000.000 VND. Công trình dự kiến sẽ hoàn thành, nghiệm thu đưa vào sử dụng trong Quý 2/2019.

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	64.000.000	26.424.087
Chi phí quảng cáo, làm biển quảng cáo	2.385.580.008	92.607.152
Chi phí bảo hiểm xe ô tô	29.335.985	34.019.609
Phí duy trì tên miền, website	36.419.916	51.454.831
Các khoản khác	87.244.372	74.671.756
	<u>2.602.580.281</u>	<u>279.177.435</u>
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.241.865.115	1.348.195.304
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	1.717.443.590	801.886.403
Chi phí san lấp giải phóng mặt bằng tại Nhà máy của Công ty TNHH Nam Dược	140.505.741	170.085.885
Chi phí trả trước dài hạn khác	119.840.478	241.728.013
	<u>3.219.654.924</u>	<u>2.561.895.605</u>

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND*	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	1
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	29.689.739.265	66.260.184.247	7.693.221.681	1.472.263.243	
- Mua trong năm	-	133.431.275	752.543.636	401.676.000	
- Thanh lý, nhượng bán	-	(341.329.200)	-	-	
Số dư cuối năm	<u>29.689.739.265</u>	<u>66.052.286.322</u>	<u>8.445.765.317</u>	<u>1.873.939.243</u>	
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	16.444.929.061	56.334.969.764	4.141.732.203	898.591.503	
- Khấu hao trong năm	2.109.288.612	2.850.853.841	804.703.884	180.395.638	
- Phân loại lại trong năm	-	(9.437.075)	(6.910.780)	16.347.855	
- Thanh lý, nhượng bán	-	(341.329.200)	-	-	
Số dư cuối năm	<u>18.554.217.673</u>	<u>58.835.057.330</u>	<u>4.939.525.307</u>	<u>1.095.334.996</u>	
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	13.244.810.204	9.925.214.483	* 3.551.489.478	573.671.740	
Tại ngày cuối năm	<u>11.135.521.592</u>	<u>7.217.228.992</u>	<u>3.506.240.010</u>	<u>778.604.247</u>	

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết còn sử dụng là 53.768.581.323 VND.

13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	TSCĐ vô hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá TSCĐ				
Số dư đầu năm (ii)	70.900.361.498	368.692.500	350.000.000	71.619.053.998
- Mua trong năm (i)	38.343.328.718	226.160.000	-	38.569.488.718
Số dư cuối năm	109.243.690.216	594.852.500	350.000.000	110.188.542.716
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	801.428.129	122.897.496	11.083.335	935.408.960
- Khấu hao trong năm	-	198.284.162	35.000.004	233.284.166
Số dư cuối năm	801.428.129	321.181.658	46.083.339	1.168.693.126
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	70.098.933.369	245.795.004	338.916.665	70.683.645.038
Tại ngày cuối năm	108.442.262.087	273.670.842	303.916.661	109.019.849.590

(i) Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất mua trong năm bao gồm:

- Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng từ ông Lê Văn Tuyết và bà Võ Thị Thu Sương (bên chuyển nhượng) theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ký giữa bên chuyển nhượng và Công ty Cổ phần Nam Dược do ông Hoàng Minh Châu - Tổng Giám đốc ký duyệt, được phê duyệt theo Nghị quyết số 03A/2018/NQ-HĐQT của Hội đồng Quản trị ngày 23/04/2018. Đối tượng chuyển nhượng của hợp đồng là toàn bộ quyền sử dụng đất tại địa chỉ Lô 1424, khu dân cư Tây Nam Hòa Cường, phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 920188 do Ủy ban nhân dân quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng cấp ngày 22/05/2007. Tổng giá trị chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo Hợp đồng trên là 12.717.948.718 VND (bao gồm tất cả các loại thuế, phí). Tiền phí cấp lại Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất theo hợp đồng chuyển nhượng này là 380.000 VND. Quyền sử dụng đất này được sử dụng để xây dựng Trụ sở Văn phòng làm việc của Công ty TNHH MTV Nam Dược Miền Trung - công ty con của Công ty theo Nghị quyết số 01/2018/NQ-DHĐCĐ ngày 22/04/2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.
- Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng từ bà Phạm Hồng Nhung (bên chuyển nhượng) theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 006200 ngày 04/06/2018 ký giữa bên chuyển nhượng và Công ty Cổ phần Nam Dược do ông Hoàng Minh Châu - Tổng Giám đốc ký duyệt, được phê duyệt theo Nghị quyết số 04A/2018/NQ-HĐQT của Hội đồng Quản trị ngày 25/05/2018. Đối tượng chuyển nhượng của hợp đồng là toàn bộ quyền sử dụng đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ U23 Bạch Mã, phường 15, quận 10, TP. Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 829288 do Sở Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 29/07/2013. Tổng giá trị chuyển nhượng quyền sử dụng đất, nhà ở và tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng trên là 25.000.000.000 VND (chưa bao gồm tất cả các loại thuế, phí). Tổng tiền thuế, phí, lệ phí liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng này là 625.000.000 VND.
Do không xác định riêng được giá trị của quyền sử dụng đất và giá trị của nhà cửa, tài sản khác gắn liền với đất nên Công ty hạch toán, theo dõi toàn bộ giá trị nhận chuyển nhượng trên khoản mục "Tài sản cố định vô hình". Tài sản này hiện đang được sử dụng làm Trụ sở Văn phòng Công ty TNHH MTV Nam Dược Phương Nam - công ty con của Công ty.

(ii) Quyền sử dụng đất tại thời điểm đầu năm là giá trị quyền sử dụng đất của Công ty tại Lô A4 và Lô A2, ô D7, khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội. Quyền sử dụng đất này đang được thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Nam Định theo hợp đồng tín dụng số NAD.DN.145.240417 ngày 27/04/2017 (Xem Thuyết minh số 14). Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay là 70.098.933.369 VND.

14. VAY

	01/01/2018		Trong năm		31/12/2018	
	Giá trị VND	Khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Khả năng trả nợ VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay dài hạn đến hạn trả						
- Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Nam Định (*)	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
	<u>6.000.000.000</u>	<u>6.000.000.000</u>	<u>6.000.000.000</u>	<u>6.000.000.000</u>	<u>6.000.000.000</u>	<u>6.000.000.000</u>
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Nam Định (*)	27.000.000.000	27.000.000.000	-	6.000.000.000	21.000.000.000	21.000.000.000
	<u>27.000.000.000</u>	<u>27.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>6.000.000.000</u>	<u>21.000.000.000</u>	<u>21.000.000.000</u>
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(6.000.000.000)	(6.000.000.000)	(6.000.000.000)	(6.000.000.000)	(6.000.000.000)	(6.000.000.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	<u>21.000.000.000</u>	<u>21.000.000.000</u>			<u>15.000.000.000</u>	<u>15.000.000.000</u>

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

(*) Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Nam Định theo hợp đồng tín dụng số NAD.DN.145.240417 ngày 27/04/2017 với số tiền vay là 30.000.000.000 VND. Khoản vay được sử dụng cho việc đầu tư mua hai lô đất (Lô A4, ô D7 và Lô A2, ô D7) tại khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội để xây dựng Trụ sở Văn phòng Công ty Cổ phần Nam Dược. Thời hạn vay là 05 năm (từ ngày 28/04/2017 đến ngày 27/04/2022); nợ gốc thanh toán trong vòng 10 kỳ, mỗi kỳ 06 tháng kể từ ngày nhận được khoản giải ngân đầu tiên. Lãi suất vay trong 06 tháng đầu là 8%/ năm, 12 tháng tiếp theo là 9%/ năm, sau đó lãi suất được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần theo lãi suất tiền gửi tiết kiệm lãi cuối kỳ có kỳ hạn 13 tháng tại thời điểm xác định lãi suất cộng thêm (+) 2,5%/ năm. Tài sản đảm bảo của khoản vay chính là hai lô đất trên với tổng giá trị tại ngày 31/12/2018 là 70.098.933.369 VND.

11/11 => 8.0.10.11

15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	trả nợ VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số nợ lớn				
Công ty TNHH Suheung Việt nam	634.018.000	634.018.000	801.900.000	801.900.000
Bà Đỗ Thị Hoa	1.914.200.500	1.914.200.500	919.448.000	919.448.000
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại và Truyền thông Ánh Dương	2.539.284.000	2.539.284.000	5.216.980.000	5.216.980.000
Công ty TNHH Truyền thông Ruby Việt Nam	3.504.401.000	3.504.401.000	-	-
Công ty TNHH Quảng cáo Thương mại Sen Vàng	106.848.000	106.848.000	3.024.765.000	3.024.765.000
Các đối tượng khác	11.678.325.132	11.678.325.132	9.093.289.414	9.093.289.414
	20.377.076.632	20.377.076.632	19.056.382.414	19.056.382.414
b) Phải trả người bán là các bên liên quan				
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 37)	-	-	180.000.000	180.000.000

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu	Số phải nộp	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Số phải thu	Số phải nộp
	đầu năm	đầu năm	trong năm	trong năm	cuối năm	cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	985.495.434	13.433.283.061	13.280.671.510	-	1.138.106.985
Thuế thu nhập doanh nghiệp	325.452.780	563.404.928	2.965.769.636	2.637.571.317	54.679.580	620.830.047
Thuế thu nhập cá nhân	12.947.579	111.244.748	3.736.403.171	3.325.445.100	-	509.255.240
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	65.263.000	-	84.891.000	19.628.000	-	-
Thuế khác	-	-	6.843.318	6.843.318	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	28.090.614	13.084.922	41.175.536	-	-
	403.663.359	1.688.235.724	20.240.275.108	19.311.334.781	54.679.580	2.268.192.272

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Chi phí lãi vay	15.534.246	19.972.603
Chi phí cước vận chuyển, cước viễn thông	33.634.369	38.903.716
Chi phí phụ trách chuyên môn của ông Hoàng Minh Châu	33.000.000	66.000.000
Trích trước chi phí chiết khấu thương mại quý 4/2018	1.181.028.569	-
Chi phí phải trả khác	195.480.932	71.142.019
	<u>1.458.678.116</u>	<u>196.018.338</u>

18 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	* 109.638.155	191.358.346
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	735.000.000	689.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	904.800.000	672.080.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	568.305.050	169.866.703
	<u>2.317.743.205</u>	<u>1.722.305.049</u>

19 VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	56.800.000.000	81.738.699.345	138.538.699.345
Lãi trong năm trước	-	38.268.321.809	38.268.321.809
Tăng khác	-	69.770.579	69.770.579
Phân phối lợi nhuận	-	(13.399.167.900)	(13.399.167.900)
Số dư cuối năm trước	<u>56.800.000.000</u>	<u>106.677.623.833</u>	<u>163.477.623.833</u>
Lãi trong năm nay	-	46.341.283.390	46.341.283.390
Phân phối lợi nhuận	-	(15.186.832.200)	(15.186.832.200)
Số dư cuối năm nay	<u>56.800.000.000</u>	<u>137.832.075.023</u>	<u>194.632.075.023</u>

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 04 năm 2018, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2017 như sau:

	Số tiền VND
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.913.416.100
- Trích thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát	1.913.416.100
- Chi trả cổ tức năm 2017 với tỷ lệ 20% trên vốn điều lệ (tương ứng mỗi cổ phần nhận 2.000 VND)	11.360.000.000
	<u>15.186.832.200</u>

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2018	Tỷ lệ	01/01/2018	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Bà Dương Thị Sáu	14.174.500.000	24,96	14.174.500.000	24,96
Bà Dương Thị Lan	3.820.000.000	6,73	3.820.000.000	6,73
Ông Nguyễn Văn Giang	3.220.000.000	5,67	3.220.000.000	5,67
Bà Dương Thị Hà	4.377.200.000	7,71	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Trancorp	2.831.000.000	4,98	2.831.000.000	4,98
Các cổ đông khác	28.377.300.000	49,95	32.754.500.000	57,66
	<u>56.800.000.000</u>	<u>100,00</u>	<u>56.800.000.000</u>	<u>100,00</u>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	56.800.000.000	56.800.000.000
- Vốn góp cuối năm	<u>56.800.000.000</u>	<u>56.800.000.000</u>
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	672.080.000	558.760.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	11.360.000.000	11.360.000.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	11.360.000.000	11.360.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	11.127.280.000	11.246.680.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	11.127.280.000	11.246.680.000
- Số dư cuối năm	<u>904.800.000</u>	<u>672.080.000</u>

d) Cổ phiếu

	31/12/2018	01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.680.000	5.680.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	5.680.000	5.680.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.680.000	5.680.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.680.000	5.680.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.680.000	5.680.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu

20 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	31/12/2018	01/01/2018
- USD	402,11	380,16
- EUR	77,20	88,20

21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	418.512.467.240	333.018.946.304
	<u>418.512.467.240</u>	<u>333.018.946.304</u>
Doanh thu đối với các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 37)</i>	<u>49.099.041.393</u>	<u>27.105.761.197</u>

22 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	4.573.325.192	-
Hàng bán bị trả lại	-	1.742.178.339
	<u>4.573.325.192</u>	<u>1.742.178.339</u>

23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa và thành phẩm đã bán	181.471.751.435	153.079.010.222
	<u>181.471.751.435</u>	<u>153.079.010.222</u>

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.176.830.313	1.585.402.974
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	169.375	150.711
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	176.896	-
	<u>1.177.176.584</u>	<u>1.585.553.685</u>
Doanh thu đối với các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 37)</i>	<u>365.448.630</u>	<u>137.500.000</u>

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền vay	2.200.684.933	2.040.684.094
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	53.211	722.800
	<u>2.200.738.144</u>	<u>2.041.406.894</u>

26 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.089.414.153	661.532.288
Chi phí nhân công	50.267.656.510	37.748.797.821
Chi phí khấu hao tài sản cố định	313.591.042	310.384.276
Chi phí dịch vụ mua ngoài	89.284.366.890	68.104.183.029
Chi phí khác bằng tiền	915.920.427	766.227.604
	<u>141.870.949.022</u>	<u>107.591.125.018</u>

27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.038.438.909	1.005.995.967
Chi phí nhân công	23.832.524.477	16.801.994.373
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.176.412.711	958.259.567
Thuế, phí và lệ phí	218.629.805	185.539.132
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.111.671.115	9.352.917.401
Chi phí khác bằng tiền	1.769.245.812	1.436.060.231
	<u>40.146.922.829</u>	<u>29.740.766.671</u>

28 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	300.000.000	40.000.000
Thu nhập từ thanh lý công cụ, dụng cụ	-	200.000.000
Các khoản khác	81.499.043	25.459.041
	<u>381.499.043</u>	<u>265.459.041</u>

29 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Các khoản truy thu thuế GTGT, nộp phạt vi phạm hành chính và phạt chậm nộp thuế	163.089.423	245.143.150
Chi phí xuất hủy phụ liệu cũ đã hết số đăng ký và phụ liệu không sử dụng tại công ty con - Công ty TNHH Nam Dược	349.233.235	-
Phạt về vi phạm quy định xử lý chất thải rắn thông thường	35.000.000	-
Các khoản khác	11.680.050	3.121.110
	<u>559.002.708</u>	<u>248.264.260</u>

30 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Công ty Cổ phần Nam Dược	399.906.835	75.355.158
Công ty TNHH Nam Dược	2.560.530.301	2.231.015.880
Chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>2.960.437.136</u>	<u>2.306.371.038</u>
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm này	5.332.500	36.839.466
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	237.952.148	(518.418.890)
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(2.637.571.317)	(1.586.839.466)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	<u>566.150.467</u>	<u>237.952.148</u>

31 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	448.200.136	389.600.647
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	<u>448.200.136</u>	<u>389.600.647</u>

b) Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	389.600.647	205.275.960
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(448.200.136)	(389.600.647)
	<u>(58.599.489)</u>	<u>(184.324.687)</u>

32 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	46.341.283.390	38.268.321.809
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	46.341.283.390	38.268.321.809
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.680.000	5.680.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>8.159</u>	<u>6.737</u>

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác), cụ thể như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2018				
Tiền và tương đương tiền	41.229.201.202	-	-	41.229.201.202
Phải thu khách hàng, phải thu khác	10.623.406.494	158.000.000	-	10.781.406.494
Các khoản cho vay	2.000.000.000	-	-	2.000.000.000
	<u>53.852.607.696</u>	<u>158.000.000</u>	<u>-</u>	<u>54.010.607.696</u>
Tại ngày 01/01/2018				
Tiền và tương đương tiền	25.189.481.739	-	-	25.189.481.739
Phải thu khách hàng, phải thu khác	14.642.798.235	153.000.000	-	14.795.798.235
Các khoản cho vay	25.000.000.000	-	-	25.000.000.000
	<u>64.832.279.974</u>	<u>153.000.000</u>	<u>-</u>	<u>64.985.279.974</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2018				
Vay và nợ	6.000.000.000	15.000.000.000	-	21.000.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	22.694.819.837	-	-	22.694.819.837
Chi phí phải trả	1.458.678.116	-	-	1.458.678.116
	30.153.497.953	15.000.000.000	-	45.153.497.953
Tại ngày 01/01/2018				
Vay và nợ	6.000.000.000	21.000.000.000	-	27.000.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	20.778.687.463	-	-	20.778.687.463
Chi phí phải trả	196.018.338	-	-	196.018.338
	26.974.705.801	21.000.000.000	-	47.974.705.801

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

35. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

a) Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	-	52.000.000.000

b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	6.000.000.000	35.000.000.000

36. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

37. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Công ty TNHH Dược phẩm Ích Nhân	Bên liên quan khác (*)
- Ông Hoàng Minh Châu và Bà Dương Thị Sáu	Cổ đông lớn của Công ty - Vợ chồng Tổng Giám Đốc
- Bà Phạm Thị Hồng Nhung	Con của bà Dương Thị Lan - Thành viên HĐQT
- Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	Thành viên quản lý chủ chốt

(*) Công ty TNHH Dược phẩm Ích Nhân do Bà Dương Thị Sáu làm Giám đốc. Bà Dương Thị Sáu là cổ đông lớn và là vợ của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nam Dược.

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu bán hàng hóa	49.099.041.393	27.105.761.197
- Công ty TNHH Dược phẩm Ích Nhân	49.099.041.393	27.105.761.197
Doanh thu lãi cho vay	365.448.630	137.500.000
- Bà Dương Thị Sáu	365.448.630	137.500.000
Thanh toán tiền mua tài sản	25.000.000.000	60.098.933.369
- Ông Hoàng Minh Châu và Bà Dương Thị Sáu	-	60.098.933.369
- Bà Phạm Thị Hồng Nhung	25.000.000.000	-
Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất	25.000.000.000	-
- Bà Phạm Thị Hồng Nhung	25.000.000.000	-
Thuê tài sản	-	200.000.000
- Ông Hoàng Minh Châu	-	200.000.000

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	-	374.807.130
- Công ty TNHH Dược phẩm Ích Nhân	-	374.807.130
Ngợi mua trả tiền trước	198.443.000	-
- Công ty TNHH Dược phẩm Ích Nhân	198.443.000	-
Phải trả cho người bán ngắn hạn	-	180.000.000
- Ông Hoàng Minh Châu	-	180.000.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
- Thu nhập của Tổng Giám đốc	1.624.574.570	1.191.481.834
- Thu nhập của thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị	3.438.084.361	1.558.038.908

38 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được Công ty TNHH Hàng kiểm toán AASC kiểm toán.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



TỔNG GIÁM ĐỐC
Đs. Hoàng Minh Châu